

UBND XÃ NÀ HỖ

TRƯỜNG PTDTBT TH NÀ HỖ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ hai, ngày 01 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			387	387		-	39.500	15.286.500	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	387	Sáng (Giờ ăn:)	Gạo	Kg	38,7						
2			Trứng vịt xào	Quả	483	4.000	1.932.000				
Cộng sáng							1.932.000				
1	387	Trưa (Giờ ăn:)	Gạo	Kg	58,05						
2			Thịt gà rang gừng	Kg	44,7	130.000	5.805.000				
3			Bắp cải xào; canh bắp cải	Kg	41,7	19.000	792.300				
Cộng trưa							6.597.300				
1	387	Tối (Giờ ăn:)	Gạo	Kg	58,05						
2			Thịt lợn kho tàu	Kg	46,03	130.000	5.983.900				
4			Su su xào, canh su su	Kg	40,7	19.000	773.300				
Cộng tối							6.757.200				
Tổng cả ngày							15.286.500				

Người lập (Kế toán)

[Chữ ký]
Vu A Lân

Xác nhận của nhà trường



Mai Xuân Kiên